TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 362/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/03/2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý.

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thương Thương, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1634/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T.H; Sinh năm: 19xx; Địa chỉ thường trú: 490/5C Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận a, Thành phố Z (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Mai Công M; Sinh năm: 19xx; Địa chỉ thường trú: 57 Đường số 19, phường A, quận B, Thành phố Z (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2022 của bà Nguyễn Thị T.H, và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Nguyễn Thị T.H là nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Mai Công M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã; ông M ham chơi bời, không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình. Mặc dù bà đã cố gắng hàn gắn để níu kéo hạnh phúc nhưng không thành. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông M, hai bên đã ly thân gần 03 (ba) năm, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống nên bà yêu cầu ly hôn với ông M. Do bận công việc, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là Mai T.L, sinh ngày 28/6/2005. Bà Nguyễn Thị T.H yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T.H không yêu cầu ông Mai Công M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và và nợ chung: Bà H tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Ông Mai Công M là bị đơn vắng mặt không có lý do nên không trình bày ý kiến.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do đương sự vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng.

Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70, Điều 71, bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H; về con chung: giao con chung là Mai T.L, sinh ngày 28/6/2005 cho bà H nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: bà H xác nhận không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét qua đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.H, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn". Bị đơn ông Mai Công M có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ 57 Đường số 19, phường A, quận B, Thành phố Z. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T.H có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Mai Công M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông M là phù hợp.

Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Mai Công M đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông M không đến Tòa và cũng không cung cấp ý kiến cho Tòa án. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2004, quyển số I/P2 ngày 15/03/2004 của Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời khai của nguyên đơn về việc tự nguyện kết hôn nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông M là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét qua yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị T.H đối với ông Mai Công M. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, qua lời trình bày của nguyên đơn thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà H, ông M đã phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài và hai bên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, ông M thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn, không chăm lo, xây dựng hạnh phúc gia đình. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình "vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Tòa án cũng đã triệu tập ông M đến Tòa để ông thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn cũng như đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông M không đến tòa, không thể hiện thiện chí hòa giải với bà H. Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, nay tình trạng mâu thuẫn của đôi bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông M, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[5] Về con chung: Có 01 (một) con chung là Mai T.L (nữ), sinh ngày 28/6/2005. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Linh. Xét thấy, con chung của ông bà là con gái, bà H đang chăm sóc nuôi dưỡng và nguyện vọng của trẻ cũng muốn được ở cùng mẹ. Mặt khác, ông M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình 2014, để đảm bảo quyền lợi

cũng như sự phát triển của con nên việc giao con chung Mai T.L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng khi bà H và ông M ly hôn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T.H khai nhận hai bên không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T.H tự khai không có nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T.H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.H đối với ông Mai Công M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T.H được ly hôn với ông Mai Công M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2004, quyển số I/P2 ngày 15/03/2004 của Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị T.H và ông Mai Công M không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của bà Nguyễn Thị T.H.

Giao con chung là Mai T.L (nữ), sinh ngày 28/6/20xx cho bà Nguyễn Thị T.H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị T.H không yêu cầu ông Mai Công M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Bà H cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Nếu ông M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông M.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T.H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T.H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T.H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T.H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009783 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị T.H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Linh